



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 42
8. Phụ lục	43 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200526842, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Điện thoại : 02733.872.878
- Fax : 02733.850.597

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang – Sàn giao dịch Bất động sản Ticco	46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	47 Nguyễn Trãi, Phường 2, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang
Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu Xây dựng	90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Kinh doanh cát san lấp;
- Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Đấu giá bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: Khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đấu thầu, giám sát; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi;
- Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Vinh Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017, miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2019
Ông Vũ Huy Giáp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban	Ngày 29 tháng 4 năm 2017
Ông Phan Trọng Liêm	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Xuân Lan	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 02 năm 2014
Ông Vũ Huy Giáp	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 02 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2014

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hoàng Huân – Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2019



Số: 1.1213/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 23 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

M.S.D.N
TH
KI
Q.TÁN

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 28 tháng 8 năm 2018 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 27 tháng 3 năm 2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2019

300
CÔ
CH NH
TOÁ
A
VH-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		594.464.207.958	592.370.236.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	108.977.783.704	109.323.886.902
1. Tiền	111		47.650.984.882	42.578.142.981
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.326.798.822	66.745.743.921
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.098.610.371	26.592.416.913
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	17.098.610.371	26.592.416.913
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.965.790.601	249.140.662.871
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	156.023.935.333	200.096.055.524
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.891.274.313	39.585.840.214
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	2.125.217.631
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	35.430.352.780	31.919.855.401
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(25.379.771.825)	(24.586.305.899)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		276.138.909.599	198.759.855.102
1. Hàng tồn kho	141	V.7	276.506.350.181	199.127.295.684
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(367.440.582)	(367.440.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.283.113.683	8.553.414.343
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	63.115.539	107.974.440
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.582.891.653	6.199.464.786
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	4.637.106.491	2.245.975.117
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

4987
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ
 XÂY DỰNG
 TIỀN GIANG
 PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		436.598.618.795	364.257.162.924
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		661.891.231	770.791.230
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	661.891.231	770.791.230
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		314.647.531.100	291.423.121.996
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	301.561.335.073	278.164.722.819
- Nguyên giá	222		531.985.800.372	492.269.870.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(230.424.465.299)	(214.105.147.641)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13.086.196.027	13.258.399.177
- Nguyên giá	228		14.072.271.816	14.072.271.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(986.075.789)	(813.872.639)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	22.136.561.227	20.309.751.801
- Nguyên giá	231		23.288.438.055	20.865.605.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.151.876.828)	(555.853.964)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		79.535.816.148	33.435.329.118
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	79.535.816.148	33.435.329.118
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.178.415.681	395.466.852
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	336.977.832	395.466.852
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	1.841.437.849	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.438.403.408	17.922.701.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	13.388.956.440	13.728.099.656
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.049.446.968	4.194.602.271
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.031.062.826.753	956.627.399.055

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		693.944.594.986	623.100.818.775
I. Nợ ngắn hạn	310		618.281.358.373	542.092.404.150
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	165.130.726.366	160.651.273.194
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	117.151.464.712	71.346.962.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	18.592.199.799	17.088.902.933
4. Phải trả người lao động	314		20.733.395.382	17.564.817.277
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	17.564.985.119	40.246.800.588
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	34.019.016.368	1.859.545.455
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	5.359.727.082	4.261.503.392
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	213.265.570.160	205.880.470.602
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.286.535.154	5.238.910.978
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	20.177.738.231	17.953.217.020
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		75.663.236.613	81.008.414.625
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	658.040.000	577.740.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	75.005.196.613	80.430.674.625
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		337.118.231.767	333.526.580.280
I. Vốn chủ sở hữu	410		337.118.231.767	333.526.580.280
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	131.997.690.000	131.997.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.997.690.000	131.997.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	78.839.522.599	62.982.165.580
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	113.836.639.416	126.255.513.246
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		68.275.349.400	126.255.513.246
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		45.561.290.016	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	6.743.449.752	6.590.281.454
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.031.062.826.753	956.627.399.055

Tiền Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2019


Lê Mỹ Phượng
Người lập


Lê Mỹ Phượng
Kế toán trưởng


Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	538.398.234.540	422.957.442.757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	3.777.356.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		538.398.234.540	419.180.086.393
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	400.040.208.153	315.589.397.214
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		138.358.026.387	103.590.689.179
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.278.784.013	5.222.886.078
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.392.140.130	7.314.027.034
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.392.140.130	7.181.892.347
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	6.510.980	44.066.798
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	47.941.866.175	36.369.893.725
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24.031.014.019	13.959.184.403
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.278.301.056	51.214.536.893
12. Thu nhập khác	31	VI.8	304.217.992	1.776.296.974
13. Chi phí khác	32	VI.9	215.874.482	274.683.344
14. Lợi nhuận khác	40		88.343.510	1.501.613.630
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.366.644.566	52.716.150.523
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	15.073.021.206	9.477.105.524
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	145.155.303	2.024.582.280
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.148.468.057	41.214.462.719
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		45.561.290.016	40.689.301.713
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		587.178.041	525.161.006
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.245	3.168
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	3.245	3.168

Tiền Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2019


Lê Mỹ Phượng
Người lập


Lê Mỹ Phượng
Kế toán trưởng


Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		61.366.644.566	52.716.150.523
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10; V.11	17.733.330.916	15.192.455.628
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.21	1.877.288.046	(945.174.306)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(33.644)	1.386.327
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.4	(2.271.543.362)	(5.719.109.205)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	7.392.140.130	7.312.640.707
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		86.097.826.652	68.558.349.674
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.848.699.642	8.037.174.211
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.014.078.896)	(30.374.336.057)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.672.095)	(16.599.463.439)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		384.002.117	103.887.878
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.12; V.17;	(8.782.197.346)	(9.117.129.494)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(12.921.295.362)	(8.238.169.768)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(2.919.145.000)	(1.142.628.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.688.139.711	11.227.685.005
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.12; VII	(53.407.484.786)	(53.377.970.279)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	603.697.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(3.474.986.581)	(17.619.289.776)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	11.127.355.274	42.625.497.553
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.084.100.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	1.970.599.194	3.977.873.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.784.516.899)	(13.706.091.389)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	173.207.587.126	237.715.173.122
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(171.247.965.580)	(213.648.807.589)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(37.209.381.200)	(23.963.909.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(35.249.759.654)</i>	<i>102.456.333</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(346.136.842)	(2.375.950.051)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	109.323.886.902	130.922.245.694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		33.644	(1.386.327)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	108.977.783.704	128.544.909.316

Tiền Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2019



Lê Mỹ Phượng
Người lập



Lê Mỹ Phượng
Kê toán trưởng



Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, xây lắp, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thi công xây dựng các công trình thủy lợi; Thi công các công trình công nghiệp và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 7 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

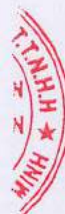
5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong kỳ Công ty đã thực hiện giảm vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO từ 100.000.000.000 VND xuống còn 40.000.000.000 VND để thành lập Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước với vốn điều lệ là 60.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 3 năm 2019.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô 1, 2, 3, 4, 5, 6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, mua bán bê tông	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	Áp 4, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, mua bán bê tông	100%	-	100%	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Xây dựng công trình thủy lợi	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng TICCO	90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh vật liệu xây dựng	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Xây dựng công trình thủy lợi	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty TNHH MTV Cọc TICCO	Áp 4, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, đóng, ép cọc bê tông cốt thép	100%	100%	100%	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco có trụ sở chính tại Lô 1,2,3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là thiết kế, giám sát, kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 20% (số đầu năm là 20%).

5d. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang – Sàn giao dịch Bất động sản TICCO	46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	47 Nguyễn Trãi, Phường 2, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang
Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu Xây dựng	90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 572 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 536 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 07 năm.

815-
TY
HỮU H
TƯ V
C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc và thiết bị	02 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	45
Nhà	07 - 25
Kiot	06

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành công trình. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 0,5% - 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành (năm trước là 0,5% - 5%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

15-C
TY
ƯU H
TUV
C
ĐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận trong tương lai với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã thực hiện từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	609.302.114	677.458.037
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.041.682.768	41.900.684.944
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	<u>61.326.798.822</u>	<u>66.745.743.921</u>
Cộng	<u>108.977.783.704</u>	<u>109.323.886.902</u>

Các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán có số dư 54.641.522.237 VND (số đầu năm là 66.540.722.400 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.20).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang là 5.050.988.947 VND (số đầu năm là 4.816.938.996 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.20).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	260.000.000	260.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	76.977.832	135.466.852
Cộng	<u>336.977.832</u>	<u>395.466.852</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200673607 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco 260.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	395.466.852	349.586.034
Phần lãi hoặc lỗ	6.510.980	44.066.798
Cổ tức được chia	(49.400.000)	(36.400.000)
Giảm khác	(15.600.000)	(29.699.047)
Số cuối kỳ	<u>336.977.832</u>	<u>327.553.785</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Testco hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức được chia	49.400.000	36.400.000
Chi phí dịch vụ	491.190.000	268.857.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện	7.286.540.869	6.555.588.871
Công ty Cổ phần AZB	7.023.898.100	9.512.573.350
Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Hòa	4.071.896.535	2.046.325.310
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Thái Dương	3.978.121.550	1.889.960.150
Ban quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp Tỉnh Tiền Giang	2.754.028.984	12.968.789.984
Công ty TNHH Xây dựng Thế Hưng	1.667.222.200	10.081.465.800
Các khách hàng khác	129.242.227.095	157.041.352.059
Cộng	<u>156.023.935.333</u>	<u>200.096.055.524</u>

Toàn bộ quyền đòi nợ khoản phải thu khách hàng với số tiền 134.745.418.086 VND (số đầu năm là 189.733.654.216 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.20)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Giao thông Thủy lợi Hà Nội	4.886.800.000	6.800.627.000
Công ty TNHH Thép Minh Trang	2.044.001.000	-
Rieckermann GmbH	-	19.564.924.000
Các nhà cung cấp khác	5.960.473.313	13.220.289.214
Cộng	<u>12.891.274.313</u>	<u>39.585.840.214</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	32.350.503.985	-	26.147.654.103	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.270.215.581	-	975.782.393	-
Đặt cọc ngắn hạn	333.187.200	-	171.155.200	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.476.446.014	(10.500.000)	4.625.263.705	(10.500.000)
Cộng	35.430.352.780	(10.500.000)	31.919.855.401	(10.500.000)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần AZB	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	6.796.888.350	3.398.444.175	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	8.369.061.400	5.858.342.980
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tài Nguyên	Trên 03 năm	1.893.341.598	-	Trên 03 năm	1.893.341.598	-
Các khách hàng khác	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	25.741.558.357	5.653.572.305	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	26.787.474.684	6.605.228.803
Cộng		34.431.788.305	9.052.016.480		37.049.877.682	12.463.571.783

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	24.586.305.899	23.237.325.770
Trích lập dự phòng bổ sung	793.465.926	757.951.066
Hoàn nhập dự phòng	-	(877.385.130)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(2.365.857.900)
Giảm khác	-	(255.168.853)
Số cuối kỳ	25.379.771.825	20.496.864.953

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.440.590.080	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.927.372.508	-	31.731.155.774	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	180.224.840.640	(367.440.582)	116.404.270.062	(367.440.582)
Dự án khu dân cư Nguyễn Trãi	118.334.058.187	-	99.602.289.548	-
Dự án khu dân cư Nguyễn Trọng Dân	19.341.241.968	-	694.865.357	-
Khác	42.549.540.485	(367.440.582)	16.107.115.157	(367.440.582)
Thành phẩm	53.783.286.659	-	46.997.615.775	-
Dự án khu dân cư Long Thạnh Hưng	6.800.763.178	-	7.121.100.911	-
Dự án khu dân cư Lê Văn Phẩm	4.844.942.068	-	4.844.942.068	-
Khác	42.137.581.413	-	35.031.572.796	-
Hàng hóa	4.130.260.294	-	3.680.992.109	-
Hàng gửi đi bán	-	-	313.261.964	-
Cộng	276.506.350.181	(367.440.582)	199.127.295.684	(367.440.582)

815-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VÀ
C
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn đã thế chấp quyền sử dụng đất của dự án khu dân cư Nguyễn Trãi và dự án khu dân cư Long Thạnh Hưng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tiền Giang (xem thuyết minh V.20).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	37.696.666	38.977.723
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	25.418.873	68.996.717
Cộng	<u>63.115.539</u>	<u>107.974.440</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	13.328.990.648	13.684.744.883
Các chi phí trả trước dài hạn khác	59.965.792	43.354.773
Cộng	<u>13.388.956.440</u>	<u>13.728.099.656</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	126.895.527.837	253.300.784.417	109.462.824.631	2.610.733.575	492.269.870.460
Mua trong kỳ	-	1.154.784.614	514.318.266	-	1.669.102.880
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	31.545.530.631	7.333.152.138	-	38.878.682.769
Thanh lý	-	(656.569.527)	-	-	(656.569.527)
Giảm khác	-	(175.286.210)	-	-	(175.286.210)
Số cuối kỳ	<u>126.895.527.837</u>	<u>285.169.243.925</u>	<u>117.310.295.035</u>	<u>2.610.733.575</u>	<u>531.985.800.372</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.797.740.414	72.771.033.385	1.992.966.341	284.330.000	77.846.070.140
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.161.998.604	141.563.643.393	49.246.767.386	1.132.738.258	214.105.147.641
Khấu hao trong kỳ	3.203.851.204	8.364.533.845	5.213.466.518	183.253.335	16.965.104.902
Thanh lý	-	(656.569.527)	-	-	(656.569.527)
Giảm khác	186.068.493	(175.286.210)	-	-	10.782.283
Số cuối kỳ	<u>25.551.918.301</u>	<u>149.096.321.501</u>	<u>54.460.233.904</u>	<u>1.315.991.593</u>	<u>230.424.465.299</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	104.733.529.233	111.737.141.024	60.216.057.245	1.477.995.317	278.164.722.819
Số cuối kỳ	<u>101.343.609.536</u>	<u>136.072.922.424</u>	<u>62.850.061.131</u>	<u>1.294.741.982</u>	<u>301.561.335.073</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 132.915.838.503 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.722.008.016	350.263.800	14.072.271.816
Số cuối kỳ	13.722.008.016	350.263.800	14.072.271.816
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	521.986.139	291.886.500	813.872.639
Khấu hao trong kỳ	143.014.500	29.188.650	172.203.150
Số cuối kỳ	665.000.639	321.075.150	986.075.789
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.200.021.877	58.377.300	13.258.399.177
Số cuối kỳ	13.057.007.377	29.188.650	13.086.196.027
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang và Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.20).

11. Bất động sản đầu tư

	Kiot	Nhà và quyền sử dụng đất	Nhà kho	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.580.316.192	19.285.289.573	-	20.865.605.765
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	2.422.832.290	2.422.832.290
Số cuối kỳ	1.580.316.192	19.285.289.573	2.422.832.290	23.288.438.055
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	307.283.704	248.570.260	-	555.853.964
Khấu hao trong kỳ	131.693.016	377.800.122	86.529.726	596.022.864
Số cuối kỳ	438.976.720	626.370.382	86.529.726	1.151.876.828
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.273.032.488	19.036.719.313	-	20.309.751.801
Số cuối kỳ	1.141.339.472	18.658.919.191	2.336.302.564	22.136.561.227

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Kiot 12 căn tại 90 Đình Bộ Lĩnh	1.580.316.192	438.976.720	1.141.339.472
Quyền sử dụng đất 465,6 m ² tại Ấp 5, Xã Trung An	1.432.504.600	26.332.810	1.406.171.790
Nhà văn phòng tại Ấp 5, Xã Trung An	17.852.784.973	600.037.572	17.252.747.401
Nhà kho tại 90 Đình Bộ Lĩnh	2.422.832.290	86.529.726	2.336.302.564
Cộng	23.288.438.055	1.151.876.828	22.136.561.227

Một số bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 18.658.919.191 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.20b).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ và BĐS đầu tư trong kỳ	Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	7.102.654.131	4.929.464.749	(8.133.951.633)	(45.997.273)	3.852.169.974
Xây dựng cơ bản dở dang	26.332.674.987	82.518.534.613	(33.167.563.426)	-	75.683.646.174
Cụm công nghiệp Gia Thuận 1	21.317.518.580	42.051.314.376	-	-	63.368.832.956
Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	952.988.642	-	-	-	952.988.642
Nhà kho 90 Đình Bộ Lĩnh	62.007.670	2.360.824.620	(2.422.832.290)	-	-
Nhà máy Tân Phước	4.000.160.095	38.106.395.617	(30.744.731.136)	-	11.361.824.576
Cộng	33.435.329.118	87.447.999.362	(41.301.515.059)	(45.997.273)	79.535.816.148

Tập đoàn đã thế chấp dự án Nhà máy Tân Phước để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh V.20b).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 1.363.820.557 VND (cùng kỳ năm trước là 595.985.618 VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	335.404.345	(39.805.012)	295.599.333
Chi phí phân bổ	130.621.699	(26.124.339)	104.497.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	73.488.116	-	73.488.116
Chi phí khấu hao	127.146.215	(9.532.358)	117.613.857
Khoản nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.148.315	(4.148.315)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế năm 2015 chưa sử dụng	342.118.796	-	342.118.796
Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất	3.517.079.130	(105.350.291)	3.411.728.839
Cộng	4.194.602.271	(145.155.303)	4.049.446.968

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>188.819.400</i>	<i>708.528.801</i>
Công ty Cổ phần Testco	188.819.400	708.528.801
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>164.941.906.966</i>	<i>159.942.744.393</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Toàn	51.754.861.788	55.789.190.952
Các nhà cung cấp khác	113.187.045.178	104.153.553.441
Cộng	165.130.726.366	160.651.273.194

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Bến Tre	42.899.915.212	43.528.698.212
Các khách hàng khác	74.251.549.500	27.818.264.499
Cộng	117.151.464.712	71.346.962.711

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.949.308.067	2.158.949.417	10.457.115.791	(15.513.955.370)	2.234.011.197	4.500.492.126
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.808.445.177	(2.808.445.177)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.021.504.025	-	15.893.051.995	(12.921.295.362)	14.993.260.658	-
Thuế thu nhập cá nhân	118.090.841	87.025.700	2.738.306.613	(1.541.058.175)	1.364.927.944	136.614.365
Các loại thuế khác	-	-	222.155.536	(222.155.536)	-	-
Cộng	17.088.902.933	2.245.975.117	32.119.075.112	(33.006.909.620)	18.592.199.799	4.637.106.491

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động và năm 2008 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập.
- Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.
- Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco Tân Phước nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty TNHH MTV Cọc Ticco nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn Huyện Tân Phước và Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang với thuế suất 15% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trích trước các dự án bất động sản	10.323.548.301	22.993.323.094
Chi phí trích trước giá vốn công trình	6.130.596.959	15.670.309.729
Chi phí lãi vay phải trả	299.110.066	325.346.725
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	811.729.793	1.257.821.040
Cộng	17.564.985.119	40.246.800.588

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu bán đất nền	32.639.050.913	-
Doanh thu thi công công trình	994.405.455	1.587.385.455
Doanh thu cho thuê kho, văn phòng	385.560.000	272.160.000
Cộng	34.019.016.368	1.859.545.455

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	13.186.591	13.186.591
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591	13.186.591
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.346.540.491	4.248.316.801
Phải trả tiền lương thuê ngoài	3.549.410.755	1.846.750.000
Công ty Cổ phần 6.3 – Nhận giữ hộ	714.471.536	714.471.536
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Nhận đặt cọc ngắn hạn	27.000.000	32.500.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	597.879.026	1.169.816.091
Cộng	5.359.727.082	4.261.503.392

815
TY
HỮU
TƯ
C
ĐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận đặt cọc cho thuê kiot, văn phòng, nhà kho dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang ⁽ⁱ⁾	132.217.479.840	119.302.339.442
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	81.048.090.320	86.578.131.160
Cộng	213.265.570.160	205.880.470.602

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất bê tông, gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi và thi công các công trình với lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình, tiền gửi ngân hàng và quyền đòi nợ (xem thuyết minh số V.1, V.2a, V.3, V.9 và V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	119.302.339.442	133.310.140.398	-	(120.395.000.000)	132.217.479.840
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	300.000.000	-	(300.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	86.578.131.160	-	40.735.149.740	(46.265.190.580)	81.048.090.320
Cộng	205.880.470.602	133.610.140.398	40.735.149.740	(166.960.190.580)	213.265.570.160

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang ⁽ⁱ⁾	42.836.250.913	54.143.253.185
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tiền Giang ⁽ⁱⁱ⁾	23.220.163.500	21.208.257.500
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Tiền Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	310.254.200	2.172.163.940
Vay dài hạn các cá nhân khác ^(iv)	8.638.528.000	2.907.000.000
Cộng	75.005.196.613	80.430.674.625

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang để tài trợ đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 60 – 84 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, tài sản hình thành từ vốn vay, tiền gửi ngân hàng và khoản phải thu luân chuyển (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.9, V.10 và V.12).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tiền Giang để đầu tư xây dựng dự án đường Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường và dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 36 – 84 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và nhà văn phòng (xem thuyết minh số V.7, V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư máy móc thiết bị với lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo các hộ gia đình thuộc diện đền bù, giải tỏa trong dự án Khu dân cư Nguyễn Trãi, không tính lãi suất, thời hạn vay 13 – 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	85.602.265.433	42.455.760.320	41.590.083.113	1.556.422.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	51.497.843.500	28.277.680.000	17.836.581.500	5.383.582.000
Vay dài hạn các cá nhân	18.953.178.000	10.314.650.000	8.638.528.000	-
Cộng	156.053.286.933	81.048.090.320	68.065.192.613	6.940.004.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	93.671.118.285	37.355.701.160	53.923.995.125	2.391.422.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	49.485.937.500	28.277.680.000	21.208.257.500	-
Vay dài hạn các cá nhân	23.851.750.000	20.944.750.000	2.907.000.000	-
Cộng	167.008.805.785	86.578.131.160	78.039.252.625	2.391.422.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	56.315.417.125	9.373.997.728	-	(22.542.909.740)	43.146.505.113
Vay dài hạn tổ chức khác	21.208.257.500	16.150.746.000	-	(14.138.840.000)	23.220.163.500
Vay dài hạn các cá nhân	2.907.000.000	14.072.703.000	(4.287.775.000)	(4.053.400.000)	8.638.528.000
Cộng	80.430.674.625	39.597.446.728	(4.287.775.000)	(40.735.149.740)	75.005.196.613

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.238.910.978	5.709.895.345
Tăng do trích lập	1.252.859.727	730.110.346
Số sử dụng	(36.197.944)	(168.917.934)
Số hoàn nhập	(169.037.607)	(769.435.132)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(639.197.471)
Số cuối kỳ	6.286.535.154	4.862.455.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.585.120.683	2.571.833.106	(2.427.045.000)	3.729.908.789
Quỹ phúc lợi	11.637.725.264	2.571.833.106	(492.100.000)	13.717.458.369
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.730.371.073	-	-	2.730.371.073
Cộng	17.953.217.020	5.143.666.211	(2.919.145.000)	20.177.738.231

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

23b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.199.769	13.199.769
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.199.769	13.199.769
- Cổ phiếu phổ thông	13.199.769	13.199.769
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.769	13.199.769
- Cổ phiếu phổ thông	13.199.769	13.199.769
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong kỳ này
• Chia cổ tức cho các cổ đông	52.799.076.000	15.839.694.800	36.959.381.200
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	15.305.272.583	-	15.305.272.583
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.591.581.775	-	4.591.581.775

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.083.368.779	1.079.318.279
Trên 01 năm đến 05 năm	4.333.475.116	4.317.273.116
Trên 05 năm	33.963.038.655	34.395.273.019
Cộng	39.379.882.550	39.791.864.414

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 21.482,4 m² đất tại 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang với tiền thuê đất hàng năm là 322.012.471 VND. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047.
- Tổng số tiền thuê 1.822,3 m² đất tại 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang với tiền thuê đất hàng năm là 4.236.848 VND. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047.
- Tổng số tiền thuê 118.574,5 m² đất tại Ấp 4, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang với tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065. Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2028.
- Tổng số tiền thuê 37.805 m² đất tại Lô 1 – 6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang với giá thuê là 14.019 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 44 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2003.
- Tổng số tiền thuê 9.721 m² đất có chiều dài cặp theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt 335m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang với giá thuê là 23.365 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 19 tháng 7 năm 2006.

24b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.631,14	585,95
Euro (EUR)	3.452,10	3.452,10

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	356.060.445.426	309.173.378.052
Doanh thu hợp đồng xây dựng, xây lắp	110.383.840.347	61.109.681.749
Doanh thu của thành phẩm bất động sản đã bán	50.568.720.335	32.995.686.928
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.823.585.211	364.216.831
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.561.643.221	19.314.479.197
Cộng	538.398.234.540	422.957.442.757

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm giá hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, vật tư, thành phẩm đã bán	276.477.504.291	203.641.885.329
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	85.070.696.023	89.762.421.322
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán	8.496.457.103	4.536.272.094
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	718.007.204	137.677.714
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.277.543.532	17.511.140.755
Cộng	400.040.208.153	315.589.397.214

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.265.032.382	3.934.019.182
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	33.644	-
Lãi thoái vốn tại công ty con	-	1.288.866.896
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.717.987	-
Cộng	2.278.784.013	5.222.886.078

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.392.140.130	7.181.892.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1.386.327
Chi phí tài chính khác	-	130.748.360
Cộng	7.392.140.130	7.314.027.034

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	6.518.023.020	5.083.936.933
Chi phí vật liệu, bao bì	12.732.029.664	11.264.858.987
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.060.840.884	3.264.287.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.828.563.634	15.451.371.048
Chi phí bằng tiền khác	1.802.408.973	1.305.439.628
Cộng	47.941.866.175	36.369.893.725

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.555.374.179	7.344.558.656
Chi phí vật liệu quản lý	608.001.655	363.669.757
Chi phí đồ dùng văn phòng	635.092.092	636.356.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	915.647.315	594.685.350
Thuế, phí và lệ phí	366.268.440	813.522.219
Chi phí dự phòng	793.465.926	(119.434.064)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.124.881	612.348.518
Các chi phí khác	4.140.039.531	3.713.477.362
Cộng	24.031.014.019	13.959.184.403

315-
TY
HỮU H
TU V
C
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	525.727.361
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	169.037.607	988.949.924
Thu tiền điện, nước kiot cho thuê	84.207.823	65.143.332
Thu nhập khác	50.972.562	196.476.357
Cộng	304.217.992	1.776.296.974

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	73.571.032
Tiền phạt chậm nộp thuế	127.001.308	44.928.725
Chi phí điện, nước Kiot cho thuê	76.107.880	64.855.513
Chi phí khác	12.765.294	91.328.074
Cộng	215.874.482	274.683.344

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.561.290.016	40.689.301.713
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.733.677.401)	(2.441.358.103)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	42.827.612.615	38.247.943.610
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.199.769	12.072.827
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.245	3.168

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	385.442.639.103	270.835.225.784
Chi phí nhân công	75.188.500.162	42.977.829.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.733.330.916	15.192.455.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.325.206.128	39.591.299.365
Chi phí khác	27.171.336.117	22.691.101.572
Cộng	546.861.012.426	391.287.911.578

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tập đoàn có các khoản công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	3.122.768.209	31.776.331.960
Nợ phải trả mua sắm tài sản cố định	8.157.274.256	2.465.041.108

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.795.650.909	2.112.345.454
Trên 01 năm đến 05 năm	8.683.381.455	8.315.543.273
Trên 05 năm	622.772.727	221.454.546
Cộng	<u>12.101.805.091</u>	<u>10.649.343.273</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.533.672.180	2.977.166.700
Thù lao	1.201.895.442	1.385.776.309
Cộng	<u>2.735.567.622</u>	<u>4.362.943.009</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty Cổ phần Testco là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.14 và V.19.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm: chủ yếu sản xuất và bán bê tông tươi, bê tông đúc sẵn, ép cọc bê tông, bán vật liệu xây dựng ...
- Lĩnh vực thi công công trình: chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: chủ yếu chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu dân cư và cho thuê bất động sản.
- Các lĩnh vực khác: bao gồm kinh doanh vật liệu, thi công cơ giới, sản xuất gia công sản phẩm cơ khí.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Trong kỳ, Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	19.576.447.726	7.015.969.187	26.592.416.913
Phải thu ngắn hạn khác	136	47.759.550.201	(15.839.694.800)	31.919.855.401
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	8.293.901.149	(2.094.436.363)	6.199.464.786
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	151.538.754	2.094.436.363	2.245.975.117
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7.015.969.187	(7.015.969.187)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	142.095.208.046	(15.839.694.800)	126.255.513.246

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tiền Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2019


Lê Mỹ Phượng
Người lập


Lê Mỹ Phượng
Kế toán trưởng


Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

044
ÔNG
NHIỆM
DÂN V
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	119.999.070.000	5.700.930.000	44.990.117.493	146.662.230.498	4.311.805.856	321.664.153.847
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Thoái vốn công ty con	-	-	(578.302.699)	578.302.699	(4.311.805.856)	(4.311.805.856)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	40.689.301.713	525.161.006	41.214.462.719
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	18.570.350.786	(33.426.631.415)	-	(14.856.280.629)
Chia cổ tức trong kỳ	11.998.620.000	-	-	(47.998.341.000)	-	(35.999.721.000)
Giảm khác	-	-	-	(409.657.248)	-	(409.657.248)
Số dư cuối kỳ trước	<u>131.997.690.000</u>	<u>5.700.930.000</u>	<u>62.982.165.580</u>	<u>106.095.205.247</u>	<u>5.525.161.006</u>	<u>312.301.151.833</u>
Số dư đầu năm nay	131.997.690.000	5.700.930.000	62.982.165.580	126.255.513.246	6.590.281.454	333.526.580.280
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	45.561.290.016	587.178.041	46.148.468.057
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	15.857.357.019	(20.817.013.487)	(184.009.743)	(5.143.666.211)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(36.959.381.200)	(250.000.000)	(37.209.381.200)
Giảm khác	-	-	-	(203.769.159)	-	(203.769.159)
Số dư cuối kỳ này	<u>131.997.690.000</u>	<u>5.700.930.000</u>	<u>78.839.522.599</u>	<u>113.836.639.416</u>	<u>6.743.449.752</u>	<u>337.118.231.767</u>


Lê Mỹ Phượng
Người lập


Lê Mỹ Phượng
Kế toán trưởng

Tiền Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2019

Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình xây dựng, xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Không phân bổ	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	503.662.569.074	223.382.285.050	52.392.305.546	34.696.508.394	-	814.133.668.064
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	(147.602.123.648)	(112.998.444.703)	-	(15.134.865.173)	-	(275.735.433.524)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	356.060.445.426	110.383.840.347	52.392.305.546	19.561.643.221	-	538.398.234.540
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.709.316.038	20.758.300.779	41.365.903.583	(11.448.374.207)	-	66.385.146.193
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						66.385.146.193
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	152.577	-	2.278.631.436	2.278.784.013
Chi phí tài chính	-	-	-	-	7.392.140.130	(7.392.140.130)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	6.510.980	6.510.980
Thu nhập khác	-	169.037.608	84.207.823	50.972.561	-	304.217.992
Chi phí khác	-	-	(76.107.880)	(12.765.294)	(127.001.308)	(215.874.482)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.922.997.009)	(957.832.332)	(10.122.335.137)	(69.856.728)	-	(15.073.021.206)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(4.148.315)	-	(141.006.988)	(145.155.303)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.786.319.029	19.969.506.055	31.247.672.651	(11.480.023.668)	9.409.274.250	46.148.468.057
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	45.977.198.455	-	43.139.903.787	89.117.102.242
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	631.865.964	-	17.101.464.952	17.733.330.916
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình xây dựng, xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Không phân bổ	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	503.662.569.074	223.382.285.050	52.392.305.546	34.696.508.394	-	814.133.668.064
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	(147.602.123.648)	(112.998.444.703)	-	(15.134.865.173)	-	(275.735.433.524)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	356.060.445.426	110.383.840.347	52.392.305.546	19.561.643.221	-	538.398.234.540
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.709.316.038	20.758.300.779	41.365.903.583	(11.448.374.207)	-	66.385.146.193
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						66.385.146.193
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	152.577	-	2.278.631.436	2.278.784.013
Chi phí tài chính	-	-	-	-	7.392.140.130	(7.392.140.130)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	6.510.980	6.510.980
Thu nhập khác	-	169.037.608	84.207.823	50.972.561	-	304.217.992
Chi phí khác	-	-	(76.107.880)	(12.765.294)	(127.001.308)	(215.874.482)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.922.997.009)	(957.832.332)	(10.122.335.137)	(69.856.728)	-	(15.073.021.206)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(4.148.315)	-	(141.006.988)	(145.155.303)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.786.319.029	19.969.506.055	31.247.672.651	(11.480.023.668)	9.409.274.250	46.148.468.057
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	45.977.198.455	-	43.139.903.787	89.117.102.242
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	631.865.964	-	17.101.464.952	17.733.330.916
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình xây dựng, xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Không phân bổ	Loại trừ công nợ giữa các bộ phận	Cộng
Số cuối kỳ							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	541.737.713.855	139.848.862.402	178.376.113.775	16.563.042.533	-	(37.261.323.777)	839.264.408.788
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					652.783.797.853	(460.985.379.888)	191.798.417.965
Tổng tài sản							1.031.062.826.753
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	212.194.249.122	196.891.955.716	104.555.227.713	8.072.607.109	-	(164.049.480.510)	357.664.559.150
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					526.768.854.988	(190.488.819.152)	336.280.035.836
Tổng nợ phải trả							693.944.594.986
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	563.202.165.862	228.538.030.947	137.079.807.035	23.357.037.438	-	(303.414.233.501)	648.762.807.781
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					454.593.066.608	(146.728.475.334)	307.864.591.274
Tổng tài sản							956.627.399.055
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	461.497.898.659	258.404.407.567	35.783.294.562	18.174.740.587	-	(290.102.433.103)	483.757.908.272
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					139.342.910.503	-	139.342.910.503
Tổng nợ phải trả							623.100.818.775


Lê Mỹ Phượng
Người lập

Lê Mỹ Phượng
Kế toán trưởng

Tiền Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2019

Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc